

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2024

**V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”**

NHÂN DANH
NUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Quang**
2. Ông **Võ Thanh Đức**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Xuân** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Kha N**, sinh năm 1978. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Quang D**, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà **Trần Thị Kha N** có nội dung như sau:

Bà và ông **Nguyễn Quang D** là vợ chồng căn cứ Giấy trích lục kết hôn số 614/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 08/4/2021.

Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông D có 02 con chung: Nguyễn Quỳnh G, sinh ngày 20/9/2000 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/6/2006.

Sau khi kết hôn, bà và ông D chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bà cảm thấy không hạnh phúc trong đời sống; không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau. Ông D thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn rồi về nhà kiểm chuyện gây sự với bà. Khi vợ chồng cãi nhau, bà qua ngủ cùng các con thì ông D cúp điện, thỉnh thoảng ông D còn tháo bánh xe, phá một số đồ dùng trong gia đình để chọc tức bà. Ngoài ra, ông D còn bạo hành và dùng những lời lẽ thô tục để xúc phạm bà. Vì thương các con và mong muốn níu giữ hạnh phúc gia đình, bà N rất nhiều lần tha thứ, cho ông D cơ hội nhưng ông D vẫn chứng nào tật nấy. Đến nay sức chịu đựng của bà đã quá giới hạn.

Hiện nay, bà và ông D đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc hoặc cùng nhau sẽ chia những vui buồn trong cuộc sống nữa. Bà N nhận thấy tình cảm của bà dành cho ông D không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa bà và ông D là thực sự cần thiết, nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Quang D.

Về con chung: Hiện nay hai cháu Nguyễn Quỳnh G và Nguyễn Gia H đã trưởng thành, nên việc sống với ai là do các cháu tự quyết định, bà N không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà N có đơn xin xử vắng mặt.

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Quang D trình bày:**

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Theo kết quả xác minh tại địa phương: Ông Nguyễn Quang D có đăng ký thường trú tại: Khu phố 5, phường Tân Thiện, thị xã L. Từ lúc kết hôn với bà N, ông D vẫn sinh sống ổn định tại địa phương. Vợ chồng ông D có 02 con chung: Nguyễn Quỳnh G, sinh ngày 20/9/2000 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/6/2006. Sau khi sống chung không được bao lâu thì vợ chồng ông D xảy ra mâu thuẫn, ông D nhiều lần gây sự, không quan tâm vun đắp đời sống vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, bà N và các con chung đã sống riêng từ tháng 4/2024 ở nhà ngoại.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L và quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án xác định là đúng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử phù hợp với quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn đưa vụ án ra xét xử; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227

Bộ luật tố tụng dân sự và quá trình xét xử vụ án Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kha N là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N được ly hôn ông D; Về con chung: Bà N không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kha N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Nguyễn Quang D có địa chỉ tại khu phố 5, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Kha N có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Quang D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Kha N và ông Nguyễn Quang D tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn số 111 cấp ngày 02/12/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thiện, huyện H.T (cũ), tỉnh Bình Thuận (nay là phường Tân Thiện, thị xã L), vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp kể từ khi đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, theo bà N khai và qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông D thể hiện: Mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bà sống không hạnh phúc; không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau. Ông D thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn rồi về nhà kiếm chuyện gây sự với bà. Ngoài ra, ông D còn bạo hành và dùng những lời lẽ thô tục để xúc phạm bà. Vì thương các con và mong muốn níu giữ hạnh phúc gia đình, bà N rất nhiều lần tha thứ, cho ông D cơ hội nhưng ông D vẫn chứng nào tật nấy. Hiện nay bà N và ông D không còn sống chung, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc hay chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống nữa. Xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà N và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kha N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. **Về con chung:** Hiện nay hai cháu Nguyễn Quỳnh G sinh ngày 20/9/2000 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/6/2006 đã trưởng thành, nên việc sống với ai là do các cháu tự quyết định, bà N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3.3. **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí:** Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kha N được ly hôn ông Nguyễn Quang D.
2. Về nuôi con chung: Bà N không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí: Bà Trần Thị Kha N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011564 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà N đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn